

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Alphanam E&C thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

## 1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: AME
- Địa chỉ: Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0435587979 Fax: 0435578420
- Email: infor@alphanam.com Website: alphanamec.com.vn

## 2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 3/năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/10/2024 tại đường dẫn: [alphanamec.com.vn](http://alphanamec.com.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024. Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**  
- BCTC quý 3/2024.

**Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật



**TRƯƠNG THỊ THU HIỀN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

*Địa chỉ : Tầng 3, Số 108 Nguyễn Trãi, phường Thương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C (AME)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ III/2024**



*Hà Nội, tháng 10 năm 2024*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2,716,724,221,187</b>	<b>2,439,675,877,440</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>24,255,535,994</b>	<b>8,657,099,514</b>
1. Tiền	111		24,255,535,994	7,937,099,514
2. Các khoản tương đương tiền	112			720,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>488,748,541,418</b>	<b>12,560,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		476,088,541,418	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12,660,000,000	12,560,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,410,007,718,290</b>	<b>1,747,781,942,437</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	841,453,941,466	860,281,539,673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	239,149,118,122	348,350,805,411
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		95,343,000,000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	240,464,633,708	545,694,152,993
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.13	(6,402,975,006)	(6,544,555,640)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>792,668,232,064</b>	<b>668,564,048,602</b>
1. Hàng tồn kho	141		792,668,232,064	668,564,048,602
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,044,193,421</b>	<b>2,112,786,887</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	1,043,895,505	1,459,201,373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	297,916	653,585,514
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>73,761,471,113</b>	<b>76,366,032,101</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14,282,033,000</b>	<b>15,776,251,586</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.10	14,171,174,387	15,628,476,313
- Nguyên giá	222		45,353,944,224	43,831,353,315
- Giá trị hao mòn lũy kế (*) (2141 - 21417)	223		(31,182,769,837)	(28,202,877,002)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
3. TSCĐ vô hình	227	V.11	110,858,613	147,775,273
- Nguyên giá	228		1,097,687,851	1,051,687,851
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(986,829,238)	(903,912,578)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*) (2147)	232A			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.14</b>	<b>59,479,438,113</b>	<b>60,589,780,515</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		59,479,438,113	60,589,780,515
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2,790,485,692,300</b>	<b>2,516,041,909,541</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,994,148,985,349</b>	<b>1,729,144,510,179</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,994,148,985,349</b>	<b>1,729,144,510,179</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	588,178,364,006	541,222,698,555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	100,672,915,747	65,206,077,705
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	10,141,523,988	6,918,175,461
4. Phải trả người lao động	314	V.22	6,868,659,000	8,337,160,012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	24,571,780,071	13,672,127,430
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.23	1,986,941,660	3,612,621,200
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	3,648,713,641	82,553,257,823
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1,258,080,087,236	1,007,622,391,993
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
- Dự phòng phải trả khác: ngắn hạn	321D			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>V.24</b>	<b>796,336,706,951</b>	<b>786,897,399,362</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>796,336,706,951</b>	<b>786,897,399,362</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		652,000,000,000	652,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		652,000,000,000	652,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(194,400,000)	(194,400,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		840,866,910	840,866,910
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143,535,741,654	134,250,932,452
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		135,250,434,070	113,053,377,461
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		8,285,307,584	21,197,554,991
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		154,498,387	
13. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2,790,485,692,300</b>	<b>2,516,041,909,541</b>

Ngày 28 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

  
Trịnh Thị Chung Thủy

  
Nguyễn Thị Nhật Hoan



  
Trương Thị Thu Hiền

## BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	471,273,809,007	510,950,854,868	2,026,442,799,423	1,346,980,529,430
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10	VI.03	471,273,809,007	510,950,854,868	2,026,442,799,423	1,346,980,529,430
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	442,490,698,690	485,847,282,561	1,926,200,223,174	1,268,300,300,098
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28,783,110,317	25,103,572,307	100,242,576,249	78,680,229,332
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	4,730,136,939	77,399,315	8,208,418,523	872,100,346
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	24,794,341,203	17,794,684,496	75,544,977,847	48,149,495,347
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24,794,341,203	17,794,684,496	71,610,937,295	48,133,175,566
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	7,954,049,237	6,149,420,476	22,093,819,512	20,253,428,512
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		764,856,816	1,236,866,650	10,812,197,413	11,149,405,819
11. Thu nhập khác	31	VI.08	5,965	4,945	51,047,037	100,149,592
12. Chi phí khác	32	VI.09	190,000,033	551,664,722	202,758,626	689,104,714
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(189,994,068)	(551,659,777)	(151,711,589)	(588,955,122)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		574,862,748	685,206,873	10,660,485,824	10,560,450,697
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	186,284,904	215,880,962	2,375,178,235	2,464,912,990
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		388,577,844	469,325,911	8,285,307,589	8,095,537,707
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6	7	127	124
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		6	7		124

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Chung Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhật Hoan



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 Tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10,660,485,824	10,560,450,697
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3,062,809,495	3,075,409,375
- Các khoản dự phòng	03	(141,580,634)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1,845,540,039	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6,119,918,010)	(210,559,843)
- Chi phí lãi vay	06	69,765,397,256	48,133,175,566
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79,072,733,970	61,558,475,795
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	433,912,092,379	(15,779,985,422)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(124,104,183,462)	154,926,020,528
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	19,258,441,033	(42,561,925,387)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,525,648,270	2,949,040,416
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(71,610,937,295)	(48,133,175,566)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,600,000,000)	(5,445,806,489)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1,154,000,000	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(25,979,379)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	337,607,794,895	107,486,664,496
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1,568,590,909)	(3,235,029,630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(95,443,000,000)	(32,255,370,914)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	33,527,370,914
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(476,088,541,418)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	568,078,669	205,872,075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(572,532,053,658)	(1,757,157,555)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,633,611,519,106	638,342,826,711
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,383,088,823,863)	(705,328,732,913)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	250,522,695,243	(66,985,906,202)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	15,598,436,480	38,743,600,739
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8,657,099,514	34,969,766,460
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	24,255,535,994	73,713,674,449

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày: 25 tháng 10 năm 2024

CÔNG TNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

ALPHANAM E&amp;C

Q. THANH XUÂN, HÀ NỘI

Trịnh Thị Chung Thủy

Nguyễn Thị Nhật Hoan

Trương Thị Thu Hiền



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**9 Tháng đầu năm 2024**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (dưới đây được gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 8 năm 1995.

Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số 0100520683 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 07 tháng 06 năm 2022. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là 652.000.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai tỷ đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là AME.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Hoạt động xây dựng, cung cấp vật tư, thiết bị các công trình điện dân dụng, công nghiệp đến cấp điện áp 500KV; Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tổng hợp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; - Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất máy móc chuyên dụng; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp ;Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; Sản xuất mực in và ma lít;
- Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Hoạt động tư vấn quản lý; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Quảng cáo; Chuẩn bị mặt bằng.

#### **04. Tổng số các Công ty con: 01**

#### **05. Danh sách công ty con được hợp nhất:**

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Quyền biểu quyết</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Zeta	Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	99.95%	100%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp,

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 – 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

Từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí cải tạo, sửa chữa tòa nhà thuê tại số 02 Đại Cồ Việt, Hà Nội.
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower;
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower;

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Đối với chi phí thuê sàn của tòa nhà Sakura Tower số 47 Vũ Trọng Phụng được phân bổ theo thời gian thuê là 50 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	114.757.744	25.038.343
- Tiền gửi ngân hàng	24.140.778.250	7.912.061.171
- Tiền gửi NH bằng ngoại tệ	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	720.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.255.535.994</b>	<b>8.657.099.514</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán kinh doanh	476.088.541.418	-
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.660.000.000	12.560.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>488.748.541.418</b>	<b>12.560.000.000</b>
<b>03. Phải thu của khách hàng</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ngắn hạn	841.453.941.466	860.281.539.673
- Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>841.453.941.466</b>	<b>860.281.539.673</b>
<b>04. Trả trước cho người bán</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ngắn hạn	239.149.118.122	348.350.805.411
- Dài hạn	0	0
<b>Cộng</b>	<b>239.149.118.122</b>	<b>348.350.805.411</b>
<b>05. Phải thu khác</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ngắn hạn	240.464.633.708	545.694.152.993
- Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>240.464.633.708</b>	<b>545.694.153.993</b>
<b>06. Tài sản thiếu chờ xử lý</b>		
<b>07. Nợ xấu</b>		
<b>08. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	687.466.802.805	653.347.318.198
- Thành phẩm	-	-
- Công cụ, dụng cụ	6.528.000	22.156.000
- Hàng hoá	105.194.901.259	15.194.574.404
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>792.668.232.064</b>	<b>668.564.048.602</b>
<b>09. Tài sản dở dang dài hạn</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc. thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>9.074.282.950</i>	<i>29.762.275.926</i>	<i>3.916.285.399</i>	<i>43.831.353.315</i>
- Mua trong năm	-	228.500.000	1.294.090.909		1.522.590.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	0
- Tăng khác	-	-	-	-	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	0
- Giảm khác	-	-	-	-	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>9.302.782.950</i>	<i>31.056.366.835</i>	<i>3.916.285.399</i>	<i>45.353.944.224</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>5.600.524.159</i>	<i>18.185.456.154</i>	<i>3.338.387.649</i>	<i>28.202.877.002</i>
- Khấu hao trong năm	-	634.899.790	2.208.774.119	136.218.926	2.979.892.835
- Tăng khác	-	-	-	-	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	0
- Giảm khác	-	-	-	-	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.078.509.040</i>	<i>6.235.423.949</i>	<i>20.394.230.273</i>	<i>3.474.606.575</i>	<i>31.182.769.837</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	<i>3.473.758.791</i>	<i>11.576.819.772</i>	<i>577.897.750</i>	<i>15.628.476.313</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	<i>3.067.359.001</i>	<i>10.662.136.562</i>	<i>441.678.824</i>	<i>14.171.174.387</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>1.051.687.851</b>	<b>1.051.687.851</b>
- Mua trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>1.097.687.851</b>	<b>1.097.687.851</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>903.912.578</b>	<b>903.912.578</b>
- Khấu hao trong năm	82.916.660	82.916.660
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>986.829.238</b>	<b>986.829.238</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<b>147.775.273</b>	<b>147.775.273</b>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<b>110.858.613</b>	<b>110.858.613</b>

**12. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Cộng</b>	<b>297.916</b>	<b>653.585.514</b>

**13. Dự phòng phải thu khó đòi**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.402.975.006</b>	<b>6.544.555.640</b>

**14. Chi phí trả trước**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ngắn hạn	1.043.895.505	1.459.201.373
Dài hạn	59.479.438.113	60.589.780.515
<b>Cộng</b>	<b>60.523.333.618</b>	<b>62.048.981.888</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>15. Tài sản khác</b>		
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>16. Vay và nợ thuê tài chính</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	1.258.080.087.236	1.007.622.391.993
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Vay dài hạn	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.258.080.087.236</b>	<b>1.007.622.391.993</b>
<b>17. Phải trả người bán</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	588.178.364.006	541.222.698.555
Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>588.178.364.006</b>	<b>541.222.698.555</b>
<b>18. Người mua trả tiền trước</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	100.672.915.747	65.206.077.705
Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.672.915.747</b>	<b>65.206.077.705</b>
<b>19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	432.441.005	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.688.545.370	5.913.367.135
Thuế thu nhập cá nhân	3.020.537.613	1.004.808.326
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.141.523.988</b>	<b>6.918.175.461</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	24.571.780.071	13.672.127.430
<b>Cộng</b>	<b>24.571.780.071</b>	<b>13.672.127.430</b>

**21. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.648.713.641	82.553.257.823
Dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
<b>Cộng</b>	<b>3.648.713.641</b>	<b>82.553.257.823</b>

**22. Phải trả công nhân viên**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Cộng</b>	<b>6.868.659.000</b>	<b>8.337.160.012</b>

**23. Doanh thu chưa thực hiện**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.986.941.660	3.612.621.200
Dài hạn	-	-
Khả năng không thực hiện được hợp đồng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.986.941.660</b>	<b>3.612.621.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**24. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>651.805.600.000</b>		-	<b>840.866.910</b>	<b>113.053.377.461</b>		<b>765.699.844.371</b>
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước	-		-	-	21.197.554.991		21.197.554.991
Tăng khác	-		-	-	-		-
Giảm vốn trong kỳ			-	-	-		-
Giảm khác	-		-	-			-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>652.000.000.000</b>	<b>(194.400.000)</b>	-	<b>840.866.910</b>	<b>134.250.932.452</b>		<b>786.897.399.362</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>652.000.000.000</b>	<b>(194.400.000)</b>	-	<b>840.866.910</b>	<b>134.250.932.452</b>		<b>786.897.399.362</b>
Tăng vốn trong kỳ			-	-	999.501.618	154,498,382	1.154.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-		-	-	8.285.307.584	5	8.285.307.589
Tăng khác	-		-	-	-		-
Giảm vốn trong kỳ	-		-	-	-		-
Giảm khác	-		-	-			-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>652.000.000.000</b>	<b>(194.400.000)</b>		<b>840.866.910</b>	<b>143.535.741.654</b>	<b>154,498,387</b>	<b>796.336.706.951</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	652.000.000.000	652.000.000.000

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	65.200.000	65.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	65.200.000	65.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	287.071.252.140	365.799.443.950
- Doanh thu hoạt động xây lắp	181.891.711.037	140.019.856.153
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	629.844.134	804.661.209
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.681.001.696	4.326.893.556
<b>Cộng</b>	<b>471.273.809.007</b>	<b>510.950.854.868</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	287.071.252.140	365.799.443.950
- Doanh thu hoạt động xây lắp	181.891.711.037	140.019.856.153
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	629.844.134	804.661.209
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.681.001.696	4.326.893.556
<b>Cộng</b>	<b>471.273.809.007</b>	<b>510.950.854.868</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	286.306.401.907	364.697.486.281
- Giá vốn của hoạt động xây lắp	155.098.694.866	118.478.970.721
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	407.640.934	604.871.171
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	677.960.983	2.065.954.388
<b>Cộng</b>	<b>442.490.698.690</b>	<b>485.847.282.561</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.641.636.426	77.399.315
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.088.500.513	
- Lãi tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>4.730.136.939</b>	<b>77.399.315</b>

**06. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	24.794.341.203	17.794.684.496
- Phí Upas LC		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
<b>Cộng</b>	<b>24.794.341.203</b>	<b>17.794.684.496</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****07. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Cộng	<u>7.954.049.237</u>	<u>6.149.420.476</u>
------	----------------------	----------------------

**08. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền phạt thu được	-	
- Thu các khoản nợ phải trả do nhà cung cấp đã bỏ địa chỉ kinh doanh	-	-
- Các khoản khác	5.965	4.945
<b>Cộng</b>	<u>5.965</u>	<u>4.945</u>

**09. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản khác	190.000.033	551.664.722
<b>Cộng</b>	<u>190.000.033</u>	<u>551.664.722</u>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	452.494.870	215.880.962
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<u>452.494.870</u>	<u>215.880.962</u>

**(\*) Chi tiết**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1)	574.862.748
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(2)	356.561.770
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (= (1) + (2))	(3)	<b>931.424.518</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	(4)	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (= (3)x(4))</b>	(5)	<b>186.284.904</b>

**11. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Kết quả kinh doanh phân chia theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

**02. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

  
Trịnh Thị Chung Thủy

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Nhật Hoan

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Tổng Giám Đốc



  
Trương Thị Thu Hiền

